|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN CƯJUT  **TRƯỜNG MẦM NONN HOA HỒNG**  Số: ……./KHGD-MNHH | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    ***Ea T’ling***, ngày 30 tháng 8 năm 2024 |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TRẺ 3-4 TUỔI**

**NĂM HỌC 2024 - 2025**

Căn cứ vào Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non; **Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số nội dung của chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;**

Căn cứ Quyết định số 944/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông V/v ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên ngày 08 tháng 8 năm 2024.

Căn cứ Quyết định số 15/ QĐ-MNHH ngày 29 tháng 7 năm 2024 V/v Phân công công tác của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;

Thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học **2024- 2025** của Hiệu trưởng Trường mầm non Hoa Hồng và đặc điểm tình hình thực tế của các lớp 3-4 tuổi.

Phát huy những thành tích đã đạt được trong năm học 2023-2024, Trường mầm non Hoa Hồng xây dựng Kế hoạch giáo dục năm học **2024- 2025 cho** trẻ 3-4 tuổi như sau:

**I. MỤC TIÊU**

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 4 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học khối Chồi.

**1. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT**

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.

- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.

- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.

- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.

- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.

- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

**2. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC**

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.

- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.

- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.

- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

**3. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ**

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ…).

- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.

- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.

- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

**4. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI**

- Có ý thức về bản thân.

- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.

- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

**5. PHÁT TRIỂN THẨM MĨ**

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp

**II**. **MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC TRẺ 3-4 TUỔI VỀ CÁC LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **MỤC TIÊU GD** | **NỘI DUNG GIÁO DỤC** | |
| **I/ LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT**  **1. Phát triển vận động:**  **\* Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp** | | | | |
| 1 | Trẻ thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp | - Hô hấp: Hít vào, thở ra  - Tay:  + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên.  + Co và duỗi tay, bắt chéo hai tay trước ngực.  - Lưng, bụng, lườn:  + Cúi về phía trước.  + Quay sang trái, sang phải.  + Nghiêng người sang trái, sang phải.  - Chân:  + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ.  + Co duỗi chân. | |
| **\* Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động** | | | | |
| 2 | Trẻ biết thực hiện một số vận động như: Đi và chạy | Đi và chạy:  + Đi kiễng gót.  + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.  + Đi, chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc.  + Đi trong đường hẹp. | |
| 3 | Trẻ biết thực hiện một số vận động như: Bò trườn, chui qua cổng… | - Bò, trườn, trèo:  + Bò, trườn theo hướng thẳng, dích dắc.  + Bò chui qua cổng.  + Trườn về phía trước.  + Bước lên, xuống bục cao (cao 30cm). | |
| 4 | Trẻ biết thực hiện một số vận động như: Tung, ném, bắt | Tung, ném, bắt:  + Lăn, đập, tung bắt bóng với cô.  + Ném xa bằng 1 tay.  + Ném trúng đích bằng 1 tay.  + Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. | |
| 5 | Trẻ biết thực hiện một số vận động như: Bật - nhảy | - Bật - nhảy:  + Bật tại chỗ.  + Bật về phía trước.  + Bật xa 20 - 25 cm. | |
| **\* Các cử động của bàn tay, ngón** **tay, phối hợp tay -mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ** | | | | |
| 6 | Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay, mắt trong một số hoạt động: | Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay.  - Đan, tết.  - Xếp chồng các hình khối khác nhau.  - Xé, dán giấy.  - Sử dụng kéo, bút.  - Tô vẽ nguệch ngoạc.  - Cài, cởi cúc. | |
| **2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe**  **\* Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe** | | | | |
| 7 | Trẻ biết nói tên được một số món ăn hàng ngày như canh rau, thịt kho, cá chiên…. khi nhìn vật thật hoặc  tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, | - Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc | |
| 8 | Trẻ biết ăn kết hợp nhiều loại thức ăn khác nhau, không kén chọn.  Biết ăn để chóng lớn, khỏe  mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại  thức ăn khác nhau | - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. | |
| 9 | Trẻ có thể biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì, không có lợi cho sức khỏe. | - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì…). | |
| **\*Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt** | | | | |
| 10 | Tự giác thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt hằng ngày.  - Rửa tay, lau mặt, xúc miệng.  - Tháo, cởi tất, cởi quần, áo | - Làm quen cách đánh răng, lau mặt.  - Tập rửa tay bằng xà phòng. | |
| 11 | Trẻ biết nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, uống, vệ sinh… | - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. | |
| **\*Giữ gìn sức khỏe và an toàn** | | | | |
| 12 | Trẻ có một số thói quen và hành vi tốt trong sinh hoạt. Biết ích lợi của việc giữ gìn sức khỏe, vệ sinh phòng bệnh khi được hướng dẫn. | -Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. | |
| 13 | Biết chăm sóc và giữ gìn sức khỏe cho bản thân, biết mặc trang phục phù hợp với thời tiết.  Chấp nhận: vệ sỉnh răng miệng; đội mũ khi ra nắng; mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh; đi dép, giày ki đi học.  - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu | - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. | |
| 14 | Biết lựa chọn trang phục phù hợp | - Nhận biết trang phục theo thời tiết. | |
| 15 | Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt. | - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. | |
| 16 | Trẻ biết một số nguy cơ không an toàn  - Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng.... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.  - Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.  - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,....  + Kêu cứu  + Gọi người lớn  +Nhờ bạn gọi người lớn  + Hành động tự bảo vệ  + Biết được tác hại của số việc nguy hiểm  + Biết cách tránh hoặc dùng đồ dùng khác để thay thế nhờ người lớn làm giúp… | Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. | |
| 17 | Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.  Biết tránh một số hành động  nguy hiểm khi được nhắc nhở:  - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt..  - Không tự lấy thuốc uống.  - Không leo trèo bàn ghế, lan can.  - Không theo người lạ khi ra khỏ khu vực trường, lớp | - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. | |
| **II/GIAO DỤC PHAT TRIỂN NHẬN THỨC**   * 1. **Khám phá khoa học** * **Các bộ phận của cơ thể con người** | | | | |
| 18 | Chức năng, giác quan và các bộ phận khác của cơ thể | Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. | |
| **- Đồ vật**  **+** *Đồ dùng, đồ chơi* | | | | |
| 19 | Trẻ biết sử dụng các giác quan để tìm hiểu, khám phá các loại đồ dùng, đồ chơi. | Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. | |
| *+Phương tiện giao thông* | | | | |
| 20 | Trẻ biết tên, tác dụng của các loại phương tiện giao thông đối với con người. | Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. | |
| * **Động vật và thực vật** | | | | |
| 21 | Trẻ biết được đặc điểm nổi bật, ích lợi của con vật, cây , hoa, quả quen thuộc…. | - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. | |
| 22 | Biết được môi trường sống đặc điểm nổi bật, sinh sản, thức ăn, sở thích của một số con vật trong thiên nhiên, biết bảo vệ chúng. | - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. | |
| 23 | Trẻ biết cách Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi. | - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi. | |
| * **Một số hiện tượng tự nhiên:**   + *Thời tiết, mùa* | | | | |
| 24 | Trẻ biết quan sát, phán đoán một số hiện tượng tự nhiên. | Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. | |
| *+ Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng* | | | | |
| 25 | Trẻ nhận biết được sự thay đổi rõ rệt giữa ngày và đêm. | Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. | |
| ***+ Nước*** | |  |
| 26 | Trẻ nhận biết được sự cần thiết của nước, không khí, ánh sáng đối với đời sống con người, động, thực vật. Biết tiết kiệm nước và bảo vệ môi trường | - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày.  - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. | |
| ***+ Không khí, ánh sáng****,* | | | | |
| 27 | Trẻ nhận biết được sự cần thiết ánh sáng đối với đời sống con người, động, thực vật. | Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. | |
| ***+ Đất đá, cát, sỏi*** | | | | |
| 28 | Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn sờ, ngửi nếm….để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. | Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. | |
| **2. Khám phá xã hội**  **Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng** | | | | |
| 29 | Trẻ biết được Họ và tên, tuổi, ngày sinh nhật, giới tính, của bản thân | - Tên, tuổi, giới tính của bản thân. | |
| 30 | Nói họ tên công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi… | - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình. | |
| 31 | Trẻ biết được cô giáo, lớp mầm non và bạn bè trong lớp học khi được hỏi… | - Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. | |
| 32 | Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi ở lớp. Biết bảo quản đồ dùng đồ chơi. | - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. | |
| **Một số nghề trong xã hội** | | | | |
| 33 | Trẻ nói tên được một số nghề trong xã hội, công việc, dụng cụ của các nghề trong xã hội. | Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến. | |
| **Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa.** | | | | |
| 34 | Trẻ nhận biết được cờ tổ quốc, tên một số địa danh nổi tiếng, di tích lịch sử ở địa phương. Bác Hồ đối với các cháu thiếu nhi….Kể tên 1 số ngày hội: Khai giảng, Tết Trung thu,... qua trò chuyện, xem tranh ảnh. Kể tên 1 vài danh lam thắng cảnh ở địa phương | Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương. | |
| **2. LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ KHÁI NIỆM SƠ ĐẲNG VỀ TOÁN:**  **- Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm** | | | | |
| 35 | Trẻ biết đếm, nhận biết số lượng trong phạm vi 5, nhận biết nhiều hơn ít hơn đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biêt sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5 | - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.  1 và nhiều. | |
| 36 | Trẻ biết tách gộp 2 nhóm đối tượng và đếm. Biết gộp và đếm 2 nhóm đối  tượng cùng loại có tổng trong  phạm vi 5. | - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.  - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn. | |
| **Xếp tương ứng** | | | | |
| 37 | Trẻ biết xếp tương ứng 1-1. ghép đôi. | - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. | |
| **So sánh, sắp xếp theo quy tắc** | | | | |
| 38 | Nhận biết được sự khác nhau về kích thước của 2 đối tượng  Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại. | - So sánh 2 đối tượng về kích thước.  - Xếp xen kẽ. | |
| **Hình dạng** | | | | |
| 39 | Trẻ biết gọi đúng tên các hình học . Nhận dạng và gọi tên được các hình: tròn, vuông, tam giác,  chữ nhật. Biết sử dụng hình để chắp ghép | - Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế  - Sử dụng các hình hình học để chắp ghép. | |
| **Định hướng trong không gian và định hướng thời gian** | | | | |
| 40 | Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân  Trẻnhận biết được tay phải, tay trái của bản thân**.**  Trẻ nhận biết được phía trên phía dưới, phía trước phía sau của bản thân. | Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân. | |
| **III/ GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ** | | | | |
| **1. Nghe** | | | | |
| 41 | Trẻ nghe hiểu được từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc  Trẻ nghe hiểu lời nói trong giao tiếp | - Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.  - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. | |
| 42 | Trẻ nghe hiểu và trả lời được một số câu hỏi của người khác trong giao tiếp  Ví dụ: Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ. | - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.  - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. | |
| 43 | Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện | - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. | |
| 44 | Trẻ nghe hiểu một số nội dung, đồng dao, ca dao… | - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. | |
| **Nói** | | | | |
| 45 | Trẻ phát âm rõ lời  Nói rõ các tiếng. Phát âm rõ ràng để người khác hiểu .  Tăng cường tiếng Việt cho trẻ. | - Phát âm các tiếng của tiếng Việt. | |
| 46 | Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩa của bản thân  Nói được điều bé thích, không thích | - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng. | |
| 47 | Trẻ biết trả lời và đặt câu hỏi đơn giản theo sự hiểu biết. | - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? | |
| 48 | Biết chào hỏi lễ phép lịch sự hình thành khả năng giao tiếp.  Sử dụng các từ: vâng ạ, dạ, thưa,...trong giao tiếp.. | - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. | |
| 49 | Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp  Nói đủ nghe, không nói lí nhí | - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. | |
| 50 | Trẻ có khả năng đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao... | - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. | |
| 51 | Trẻ có thể kể lại nội dung truyện dựa theo câu hỏi và lời thoại của cô | - Kể lại 1vài tình tiết của truyện đã đươc nghe.  - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ  - Kể lại sự việc. .  - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên. | |
| **Làm quen với đọc, viết** | | | | |
| 52 | Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm… | - Làm quen với một số ký hiệu thông thư­thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) | |
| 53 | Trẻ biết xem tranh và có thể hình dung ra nội dung câu truyện trong bức tranh đó.  Biết lật mở sách | Tiếp xúc với chữ, sách truyện  - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.  - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:  + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dư­ới.  + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. | |
| 54 | Cầm sách đúng chiều và giữ gìn sách | - Giữ gìn sách | |
| **IV/ GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KĨ NĂNG XÃ HỘI**   * **Phát triển tình cảm :**   **+ Ý thức bản thân** | | | | |
| 55 | Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân và nói điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được. | - Tên, tuổi, giới tính.  - Những điều bé thích, không thích. | |
| **+ Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.** | | | | |
| 56 | Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ, hãi…. Qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh ảnh… | - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. | |
| 57 | Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, túc giận, ngạc nhiên | - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động. | |
| 58 | Trẻ có khả năng thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác. | - Kính yêu Bác Hồ. | |
| 59 | Trẻ có thể biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn… ) của quê hương đất nước. | - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. | |
| * **Phát triển kĩ năng xã hội**   **+ Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội** | | | | |
| 60 | Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Bỏ rác đúng nơi quy định , sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ... | - Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). | |
| 61 | Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở | - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). | |
| 62 | Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở. | - Chờ đến lượt. | |
| 63 | Trẻ thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân | - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột. | |
| 64 | Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ. | - Chơi hòa thuận với bạn. | |
| 65 | Trẻ có khả năng nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai | - Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”. | |
| **+ Quan tâm đến môi trường** | | | | |
| 66 | Có ý thức tự giác, bảo vệ môi trường, chăm sóc con vật và cây cối ...  - Trẻ biết tiết kiệm điện, nước. | - Tiết kiệm điện, nước.  - Giữ gìn vệ sinh môi trường.  - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. | |
| **V/ GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ**  **- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật** | | | | |
| 67 | Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng. | * Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũivà ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. | |
| **- Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.** | | | | |
| 68 | Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. | - Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).  - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. | |
| 69 | Trẻ vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa). | - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.  - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. | |
| 70 | Trẻ sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. | - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. | |
| 71 | Trẻ biết sử dụng một số kĩ năng đơn giản để tạo ra sản phẩm | - Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản | |
| 72 | Biết tạo ra một số sản phẩm đơn giản theo ý thích của mình | - Nhận xét sản phẩm tạo hình. | |
| * **Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật**(âm nhạc, tạo hình) | | | | |
| 73 | Trẻ biết vận động theo ý thích trên bài hát hoặc bản nhạc. | - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. | |
| 74 | Biết tạo ra một số sản phẩm đơn giản theo ý thích của mình. | - Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. | |
| 75 | Biết đặt tên cho sản phẩm của mình. | - Đặt tên cho sản phẩm của mình. | |

**Tổng có 75** **mục tiêu**

**Trong đó**:

Lĩnh vực phát triển thể chất: Từ MT 1 đến MT 17 ( có tổng 17 mục tiêu)

Lĩnh vực phát triển nhận thức: Từ MT 18 đến MT 40 ( có tổng 23 mục tiêu)

Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ: Từ MT 41 đến MT 54 ( có tổng 14 mục tiêu)

Lĩnh vực phát triển TC KN XH: Từ MT 55 đến MT 66 ( có tổng 12 mục tiêu)

Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ: Từ MT 67 đến MT 75 ( có tổng 9 mục tiêu)

**\* CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC**

**I . CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

***1. Hoạt động chơi***

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.

- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.

- Trò chơi đóng kịch.

- Trò chơi học tập.

- Trò chơi vận động.

- Trò chơi dân gian.

- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

***2. Hoạt động học***

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

***3. Hoạt động lao động***

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà đ­ược sử dụng như­ một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

***4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân***

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nền nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

**II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

***1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:***

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.

- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 01/6), Ngày ra trường...).

***2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:***

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.

- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

***3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:***

- Tổ chức hoạt động cá nhân.

- Tổ chức hoạt động theo nhóm.

- Tổ chức hoạt động cả lớp.

**III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC**

***1. Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm***

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

***2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (quan sát, làm mẫu, minh họa)***

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

***3. Nhóm phương pháp dùng lời nói***

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

***4. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ***

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

***5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá***

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

**IV. TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG**

**1. Môi trường vật chất**

*a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp*

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung[[80]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-BGDDT-2021-Thong-tu-Chuong-trinh-Giao-duc-mam-non-472930.aspx#_ftn80), chủ đề giáo dục.

- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.

- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

*b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:*

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.

- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.

- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây ...

**2. Môi trường xã hội**

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ.

- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.

- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục trẻ 3-4 tuổi Trường mầm non Hoa Hồng năm học 2024-2025

**\* ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**\* Phụ trách Chuyên môn nhà trường và các thành viên tham gia xây dựng:**

Phó Hiệu trưởng: Bùi Thị Hải Yến

TTCM: Trần Thị Mỹ Ái

GV: Lê Thị Diệp, Nguyễn Thị Lương, Nguyễn Thị Hồng Vân, Trương Thị Lâm.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:*  - CBQL, GV (để thực hiện);  - PGD (để báo cáo)  - Lưu HSCM. | **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  **Bùi Thị Hải Yến** |

|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN CƯ JUT  **TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ GIÁO DỤC TRẺ 3-4 TUỔI**

**NĂM HỌC 2024-2025**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần học** | **Thời gian cụ thể** | **Chủ đề** | **Chủ đề nhánh** | **Các sự kiện và**  **Nội dung lồng ghép** | | |
| **0** | 29/8-30/8/2024  04/9/2024 | Khai giảng năm học mới. | Tựu trường - Ổn định nề nếp | Kỷ niệm 79 năm Ngày Quốc khánh Việt Nam  2/9/1945-2/9/2024 | GD lễ giáo, GD nề nếp, vệ sinh.  GD lòng yêu nước, biết ơn các thế hệ ông cha, GD niềm tự hào Dân tộc |
| **HỌC KỲ I** | | | | | |
| 01 | 05/9 - 6/9/2024 | *Chủ đề 1:*  **Trường mầm non** (04 tuần) | ***Nhánh 1:*** Ngày Hội đến trường của bé | - Ngày Hội đến trường - Mùa thu - Tết trung | GD nề nếp, thói quen vệ sinh…  GD lễ giáo, GD kỹ năng sống cho trẻ.  GD ý thức giữ gìn, bảo quản đồ dùng, đồ chơi |
| 02 | 9-13/9/2024 | ***Nhánh 2:*** Trường mầm non Hoa Hồng của bé |
| 03 | 16-20/9/2024 | ***Nhánh 3:*** **Mùa, thu - Tết trung của bé** |
| 04 | 23-27/9/2024 | ***Nhánh 4:*** Đồ dùng, đồ chơi của bé |
| 05 | 30/9-04/10/2024 | *Chủ đề 2:*  **Bản thân**  (03 tuần) | ***Nhánh 1:*** Bé là ai? | Ngày  Phụ nữ Việt Nam 20/10 | - GD kỹ năng tự phục vụ, chăm sóc, bảo vệ cơ thể, phòng chống xâm hại.  - Biết ơn bà, mẹ, cô giáo |
| 06 | 07-11/10/2024 | ***Nhánh 2:*** Năm giác quan và tác dụng của chúng |
| 07 | 14-18/10/2024 | ***Nhánh 3:*** Bé cần gì để lớn lên và khoẻ mạnh |
| 08 | 21-25/10/2024 | *Chủ đề 3:*  **Gia đình**  (04 tuần) | ***Nhánh 1:*** Gia đình của bé |  | - GD lễ giáo, tình yêu thương, lòng biết ơn, tinh thần trách nhiệm đối với người thân trong gia đình  - GD phòng chống cháy nổ. |
| 09 | 28/10-01/11/2024 | ***Nhánh 2:*** Ngôi nhà của bé |
| 10 | 04-08/11/2024 | ***Nhánh 3:*** Đồ dùng trong gia đình |
| 11 | 11-15/11/2024 | ***Nhánh 4:*** Nhu cầu gia đình |
| 12 | 18-22/11/2024 | *Chủ đề 4:*  **Nghề nghiệp**  (05 tuần) | ***Nhánh 1:*** Ngày hội của cô | Ngày Nhà giáo Việt Nam;  Ngày thành lập QĐNDVN 22/12 | - GD lòng biết ơn, trân quý người lao động và sản phẩm lao động  - Kính yêu và biết ơn cô giáo, biết ơn chú bộ đội**,** bác sỹ, y tá…. |
| 13 | 25-29/11/2024 | ***Nhánh 2:*** Công việc của bố mẹ bé |
| 14 | 02-06/12/2024 | ***Nhánh 3:*** Bác sĩ, y tá. |
| 15 | 09-13/12/2024 | ***Nhánh 4:*** Bé thích nghề gì? |
| 16 | 16-20/12/2024 | ***Nhánh 5:*** Bé yêu chú bộ đội |
| 17 | 23-27/12/2024 | *Chủ đề 5:*  **Thế giới thực vật;**  (05 tuần) | ***Nhánh 1:*** Hoa xung quanh bé | - Tết và mùa xuân; | - GD VSATTP, GD lễ giáo, GD kỹ năng sống cho trẻ,  - Giữ gìn bản sắc dân tộc Việt Nam |
| 18 | 30-03/1/2025  Thứ 4 ngày 1/1/2025 nghỉ tết dương lịch | ***Nhánh 2:*** Một số loại quả |
| **06/01-17/01/2025: Ôn tập, trải nghiệm** | | | |
| **HỌC KỲ II** | | | |
| 19 | 20- 24/01/2025 |  | ***Nhánh 3:*** Ngày Tết của bé |
| **Nghỉ tết Nguyên Đán Từ ngày 25/01-05/02/2025** | | | |
| 20 | 06-07/02/2025 |  | ***Nhánh 4:*** Hoa quả mùa xuân |
| 21 | 10-14/02//2025 | ***Nhánh 5:*** Một số loại rau, củ, quả |
| 22 | 17-21/02/2025 | *Chủ đề 6:*  **Thế giới động vật**  (04 tuần) | ***Nhánh 1:*** Những con vật nuôi trong gia đình | -Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 | - GD lễ giáo, kỹ năng sống cho trẻ, dinh dưỡng, vệ sinh để phòng chống một số dịch bệnh về động vật  - GD lòng yêu quý động vật  - Biết ơn bà, mẹ và cô … |
| 23 | 24-28/02/2025 | ***Nhánh 2:*** Động vật sống dưới nước |
| 24 | 03/3-07/3/2025 | ***Nhánh 3:*** Động vật sống trong rừng |
| 25 | 10-14/3/2025 | ***Nhánh 4:*** Côn trùng và chim |
| 26 | 17-21/3/2025 | *Chủ đề 7:*  **Giao thông**  (03 tuần) | ***Nhánh 1:*** PTGT đường bộ |  | - GD lễ giáo, GD kỹ năng sống cho trẻ.  - GD ý thức, trách nhiệm khi tham gia giao thông |
| 27 | 24-28/3/2025 | ***Nhánh 2:*** PTGT đường thủy, hàng không |
| 28 | 31/3-04/4/2024 | ***Nhánh 3:*** Một số luật lệ giao thông đường bộ |
| 29 | 08-11/4/2025  (07 nghỉ giỗ tổ Hùng Vương) | *Chủ đề 8:*  **Hiện tượng tự nhiên**  (04 tuần) | ***Nhánh 1:*** Thời tiết, mùa | - Giỗ tổ Hùng Vương  - Kỷ niệm 50 năm ngày Giải Phóng Miền Nam, thống nhất đất nước 30/4/1975-30/4/2025 | - GD BVMT, chống rác thải nhựa, biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai;phòng chống đuối nước;tiết kiệm điện nước…  - GD trẻ về ý nghĩa của độc lập, tự do; niềm tự hào dân tộc |
| 30 | 14- 18/4/2025 | ***Nhánh 2:*** Ngày và đêm |
| 31 | 21-25/4/2025 | ***Nhánh 3:*** Sự kỳ diệu của nước |
| 32 | 28/4-02/5/2025  (30/4,01/5nghỉ lễ) | ***Nhánh 4:*** Đất, đá và sỏi |
| 33 | 05-09/5/2025 | *Chủ đề 9:*  **Quê hương, Đất nước, Bác Hồ**  (03 tuần) | ***Nhánh 1:*** Đăk Nông của bé | Kỷ niệm 135 năm ngày sinh Bác Hồ kính yêu 19/5/1890-19/5/2025 | -GD lòng kính yêu Bác Hồ;  - GD kỹ năng sống cho trẻ. |
| 34 | 12-16/5/2025 | ***Nhánh 2:*** Thủ đô Hà Nội |
| 35 | 19 - 23/5/2025 | ***Nhánh 3:*** Bác Hồ kính yêu |

**Ghi chú** :

|  |
| --- |
| Học kỳ I: 18 tuần (Từ ngày 05/9/2024 đến ngày 18 /01/2025) |
| Học kỳ II: 17 tuần (Từ ngày 18/01/2025 đến ngày 23/5/2025 |

Nghỉ tết Nguyên Đán: Từ ngày 25/01/2025 đến ngày 05/02/2025

*Ea T’ling, ngày 30 tháng 8 năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:*  - CBQL, GV (để thực hiện);  - PGD (để báo cáo)  - Lưu HSCM. | **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  **Bùi Thị Hải Yến** |

**PHÂN BỔ MỤC TIÊU QUA CÁC CHỦ ĐỀ**

**KHỐI MẦM**

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ ĐỀ** | **MỤC TIÊU** |
| 1/ TRƯỜNG MẦM NON (Tổng số 24 mục tiêu) | ***1.Lĩnh vực phát triển thể chất*** |
| 1.2,5,6 ,10, 15 |
| ***2.Lĩnh vực phát triển nhận thức*** |
| 19,31,32,39 |
| ***3.Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ*** |
| 41, 42, 44, 45, 51 |
| ***4.Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội*** |
| 57, 60, 61, 64 |
| ***5.Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ*** |
| 67, 69, 70, 73, 74 |
| 2/ BẢN THÂN (Tổng số 28 mục tiêu) | ***1.Lĩnh vực phát triển thể chất*** |
| 1,2,5,6,7,8,10,11,12,13( duy tri 1,2,5,6,10) |
| ***2.Lĩnh vực phát triển nhận thức*** |
| 18,29,37,40 |
| ***3.Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ*** |
| 41,44,45,46,50,54.(duy trì 41,44,45) |
| ***4.Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội*** |
| 55,56,70,74 |
| ***5.Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ*** |
| 67,69,70,74( duy trì 67,69,70, |
| 3/ GIA ĐÌNH(Tổng số 25 mục tiêu) | ***1.Lĩnh vực phát triển thể chất*** |
| 1,2,4,5,6,10( duy trì 1,2,5,6,10) |
| ***2.Lĩnh vực phát triển nhận thức*** |
| 30,35,36,37, |
| ***3.Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ*** |
| 44,45,48,50,52,54 (duy trì 44,45) |
| ***4.Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội*** |
| 60,63,64, 65 (duy trì 60) |
| ***5.Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ*** |
| 69,70,72,73,74 (duy trì 69, 70, 73, 74) |
| 4/ NGHỀ NGHIỆP(Tổng số 20 mục tiêu) | ***1.Lĩnh vực phát triển thể chất*** |
| 1,3,4,5,6,10,(duy trì 1,4,5,6,10) |
| ***2.Lĩnh vực phát triển nhận thức*** |
| 33,36,37,( duy trì 36, 37) |
| ***3.Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ*** |
| 44,45,49,51 ( duy trì 44,45,) |
| ***4.Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội*** |
| 62,64,65 ( duy trì 64,65) |
| ***5.Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ*** |
| 69,70,73,74 ( duy trì 69,70,73,74) |
| 5/THỰC VẬT (Tổng số 26 mục tiêu) | ***1.Lĩnh vực phát triển thể chất*** |
| 1,3,4,5,6,7,8,9,10 (duy trì 1,3,4,5,6,10) |
| ***2.Lĩnh vực phát triển nhận thức*** |
| 21,22,23,36,38 ( duy trì 36) |
| ***3.Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ*** |
| 44,45,47,51 (duy trì 44,45) |
| ***4.Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội*** |
| 64,65 duy tri |
| ***5.Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ*** |
| 69,70,71,72,73,74 ( 69,70,,73,74,) |
| 6 /ĐỘNG VẬT(Tổng số 23 mục tiêu) | ***1.Lĩnh vực phát triển thể chất*** |
| 1,3,4,6,7,8,9,10,16,17( duy trì 1, 6, 10 ). |
| ***2.Lĩnh vực phát triển nhận thức*** |
| 21,22,23,38,39(duy trì 32,39). |
| ***3.Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ*** |
| 43,45,50(duy trì 45) |
| ***4.Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội*** |
| 64,65,66( duy trì 64) |
| ***5.Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ*** |
| 73,74 ( 73, 74) |
| 7/GIAO THÔNG(Tổng số 24 mục tiêu) | ***1.Lĩnh vực phát triển thể chất*** |
| 1, 4, 6,10,16, 17(duy trì 1,6, 10) |
| ***2.Lĩnh vực phát triển nhận thức*** |
| 20,36, 38,39(duy trì 39) |
| ***3.Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ*** |
| 43,44,45,52,53(44, 45) |
| ***4.Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội*** |
| 64, 65 (duy trì 64) |
| ***5.Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ*** |
| 68, 69,70,71,72, 73,74 (duy trì 69,70, 73, 74) |
| 8/HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN (Tổng số 23 mục tiêu) | ***1.Lĩnh vực phát triển thể chất.*** |
| ***1,3,6,1O,14*** |
| ***2.Lĩnh vực phát triển nhận thức*** |
| 24,25,26,27,28,36 |
| ***3.Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ*** |
| 44,45,53, |
| ***4.Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội*** |
| 64 |
| ***5.Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ*** |
| 68,69,70,71,72,73,74,75 |
| 9/QUÊ HƯƠNG- ĐẤT NƯỚC- BÁC HỒ (Tổn số 21 mục tiêu) | ***1.Lĩnh vực phát triển thể chất*** |
| 1, 3, 6,10. (duy trì 1,6,10) |
| ***2.Lĩnh vực phát triển nhận thức*** |
| 34, 35,36. (duy trì ) |
| ***3.Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ*** |
| 44, 45, 53.(duy trì 44,45) |
| ***4.Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội*** |
| 58,59,64,65.(duy trì 64 ) |
| ***5.Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ*** |
| :68,69,70,71,73,74,75. (duy trì 69, 70,73,74) |